

# ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

ॐ नमो भद्रकर्मिणे

## 1) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia

NAMO ( Quy y ) RATNA ( Bảo, Vật báu ) TRAYÀYA ( Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNATRAYÀYA : Quy y Tam Bảo

ॐ नमः रत्न

## 2) Nam mô a li gia

NAMAḤ ( Quy mệnh ) ÀRYA ( Bậc thánh )

NAMAḤ ÀRYA : Quy mệnh Thánh

ॐ नमो अर्याय

## 3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITA ( Quán sát, xem xét ) I'SVARÀYA ( Đấng tự tại )

AVALOKITE'SVARÀYA : Quán Tự Tại

ॐ अवलोकिते

## 4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI ( Giác tuệ, Phật trí ) SATVÀYA ( Loài Hữu Tình )

BODHI SATVÀYA : Bồ Tát ( Bậc Giác Hữu Tình )

ॐ भूत भूत

## 5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHÀ ( Đại, to lớn ) SATVÀYA ( Loài Hữu Tình )

MAHÀ SATVÀYA : Đại Giác Hữu Tình

ॐ भूत भूत

## 6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHÀ ( Đại ) KARUṆIKÀYA ( Bậc có Tâm Bi )

MAHÀ KARUṆIKÀYA : Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

ॐ

## 7) Án

OM ( Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục )

OM : Quy mệnh

ॐ नमो भद्रकर्मिणे

## 8) Tát bà la phạt duệ

SARVA ( Tất cả ) RABHAYE ( Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn )

SARVA RABHAYE : Tất cả Thánh Tôn thanh tịnh

ॐ नमो भद्रकर्मिणे

## 9) Số đất na đất tỏa

‘SUDDHA ( Thanh tịnh ) NÀDA ( Âm thanh, âm giọng ) ŚYA ( Đẳng nhóm)

‘SUDDHA NÀDA ŚYA : Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là : Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU

ॐ सुद्धा नदा श्या

**10 ) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a li gia**

NAMASKṚTVĀ ( Quy y kính lễ ) IMAM ( Của tôi ) ĀRYA ( Bậc Thánh)

ॐ नमस्कृतवा इमं अर्या

**11 ) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà**

AVALOKITE’SVARA ( Quán Tự Tại ) LAṂTABHA ( Sự nâng nhắc, nơi cư ngụ )

NAMASKṚTVĀ IMAM ĀRYA AVALOKITE’SVARA LAṂTABHA : Kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca ( POTALAKA \_ Hương sơn ) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ॐ नम निलकठ

**12 ) Nam mô na la cần trì**

NAMO ( Quy Mệnh ) NĪLAKANṬHA ( Thanh cảnh\_ Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại )

NAMO NĪLAKANṬHA : Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

ॐ नम नलकण्ठ

**13 )Hê li Ma ha bàn đá sa mế**

HR̥ ( Nội tâm ) MAHÀ ( Đại ) PATA ( Ánh sáng )’SAMI ( Hàm chứa ngọn lửa )

HR̥ MAHÀ PATA’SAMI :Tâm từ bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh

ॐ ह्र महा पाता समि

**14 ) Tát bà a tha đậu thâu bằng**

SARVĀTHA ( Khắp mọi nơi ) DU ( Đốt cháy ) ‘SUPHAM ( Chiếu sáng)

SARVĀTHA DU ‘SUPHAM : Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.

ॐ सर्वथा दु सुधम

**15 ) A thệ dựng**

AJIYAM ( Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được )

AJIYAM : Vô tử Pháp, Vô tử Giáo

ॐ अजियम

**16 ) Tát bà tát đá na ma bà già**

SARVA ( Tất cả ) SATVA ( Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NAMA ( Danh xưng ) BHAGA ( Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm )

SARVA SATVA NAMA BHAGA : Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên

म भृगु

**17 ) Ma phật đặc đậu**

MÀ ( Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi ) BHÀTI ( Chối lợi rục rờ ) DU ( Đốt cháy, Làm hư hỏng )

MÀ BHÀTI DU : Đừng làm hư hỏng sự chói lợi rục rờ. Câu này biểu thị cho Bản lãnh của Thế Gian mang thân cõi Trời ( Thiên Thân Thế Hữu ) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần :” QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN “

म भृगु

**18 ) Đát diệt tha**

TADYATHÀ : như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

उ म्ब्रह्म

**19 ) Án , a bà lô hê**

OM ( Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục )

AVALOKI ( Quán sát xem thấu khắp mọi nơi )

OM AVALOKI : Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Âm

ॐ ह्रीं

**20 ) Lô ca đế**

LOKATE ( Hiểu biết, chiếu sáng )

LOKATE : Biểu hiện cho Thế Quang Minh

ह्रीं

**21 ) Ca la đế**

KALATI ( Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt để )

KALATI : Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

ॐ ह्रीं

**22 ) Di hê li**

I ( Kêu gọi vang lừng ) HELIH ( Mặt Trời , sự chiếu sáng một cách vô tư )

I HELIH : Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

म ह्रीं

**23 ) Ma ha bồ đề tát đỏa**

MAHÀ BODHISATVA : Đại Bồ Tát

म ह्रीं

**24 ) Tát bà tát bà**

SARVA ( Tất cả )

SARVA SARVA : Hết thấy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng Sinh

म ह्रीं

**25 ) Ma la ma la**

MALA ( Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa pháp lành )

MALA MALA : Tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

ममि ममि कुरुय

**26 ) Ma hê ma hê li đà dựng**

MASÌ ( Nhìn về , trông vào , xem xét ) HRDAYAM ( Tâm Đẳng )

MASÌ MASÌ HRDAYAM : Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần :” PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN “

कुरु कुरु कुरुय

**27 ) Câu lô câu lô yết môn**

KURU ( Tác làm ) KARMAM ( Nghiệp Đẳng )

KURU KURU KARMAM : Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các công đức

कुरु कुरु कुरुय

**28 ) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế**

TURU( Nhanh chóng vượt thoát ) BHAṢI ( Ngôn ngữ, giáo pháp ) YATI ( Điều khiển hướng dẫn )

TURU TURU BHAṢI YATI : Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử  
2 câu trên là phần :” TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN “

मनु कुरुय

**29 ) Ma ha phạt xà gia đế**

MAHÀ BHAṢI YATI : Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

मनु मनु

**30 ) Đà la đà la**

DHÀRA ( Nhiếp trì, gia trì )

DHÀRA DHÀRA : Gia trì , gia trì

धर धर

**31 ) Địa li ni**

DHIRIṆI : Người Trì Chú ( chẳng luận Nam Nữ )

धिरिणि

**32 ) Thất phạt la gia**

I'SVARÀYA ( Tự Tại Đẳng )

I'SVARÀYA : Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần :” THIÊN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN “

श्व श्व

**33 ) Giá la giá la**

CALA ( Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA : Hiện tướng Đại Phần Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

मम धम

**34 ) Ma ma phạt ma la**

MAMA ( Chỗ thọ trì của tôi ) VIMALA ( Xa lìa cấu nhiễm )

MAMA VIMALA : Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

सुख

35 ) Mục đế lệ

MUKTE : Giải thoát

मुक्ति

36 ) Y hê di hê

EHYEHI ( Khéo đến, khéo dạy dỗ )

EHYEHI : Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

एहे एहे

37 ) Thất na thất na

‘SINA ( Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định )

‘SINA ‘SINA : Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

सिना सिना

38 ) A la sâm phạt la xá lợi

ARAŞIM ( Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị ) BHALA ( Trông thấy, chứng kiến ) ‘SARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARAŞIM BHALA ‘SARI : Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại ( chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp ) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

अरि अरि

39 ) Phạt xa phạt sâm

BHAŞÀ ( Ngôn ngữ, giáo pháp ) BHAŞIM ( Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh )

BHAŞÀ BHAŞIM : Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc

अरि अरि

40 ) Phạt la xá gia

BHARA ( Ủng hộ, tán trợ ) ‘SAYA ( Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi )

BHARA ‘SAYA : Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục ( Khuôn mặt xưa nay . Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến tánh )

अरि अरि अ

41 ) Hô lô hô lô ma la

HULU ( Nhanh chóng ) PRA ( Sự thắng thượng như ý )

HULU HULU PRA : nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng

हुलु हुलु प्री

42 ) Hô lô hô lô hê lị

HULU ( nhanh chóng ) ‘SRÌ ( Cát tường )

HULU HULU ‘SRÌ : Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại

सुरि सुरि

**43 ) Sa la sa la**

SARA ( Kiên cố, bền chắc )

SARA SARA : Sức kiên cố, thật bền chắc

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

**44 ) Tát lị tát lị**

SIRI ( Dũng mãnh thù thắng )

SIRI SIRI : Dũng mãnh thù thắng cát tường

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

**45 ) Tô rô tô rô**

SURU ( Ban rải nước Cam Lộ )

SURU SURU : Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

**46 ) Bồ đề dạ, bồ đề dạ**

BUDHIYA ( Giác ngộ, tỉnh ngộ )

BUDDHIYA BUDDHIYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh

ngộ

**47 ) Bồ đà dạ, bồ đà dạ**

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

BUDDHÀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHÀYA BUDDHÀYA : Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được

Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần :” THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN “

𑖀𑖩𑖩

**48 ) Di đễ lị dạ**

MAITRIYA : Tâm Từ , ban vui cho người khác

𑖀𑖩𑖩

**49 ) Na la cần trì**

NĪLAKANṬHA ( Thanh cảnh, cái cỏ màu xanh )

NĪLAKANṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay  
thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

𑖀𑖩𑖩

**50 ) Tha lị sắt ni na**

TRI ( Ba ) ‘SARAṆA ( sự cứng bén )

TRI’SARAṆA : cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc  
Giác, Toàn Giác )

𑖀𑖩𑖩

**51 ) Bà dạ ma na**

ABHAYA ( Bậc vô úy ) MAṆA ( Tâm ý )

ABHAYA MAṆA : Tâm Ý của Đấng Vô Úy

𑖀𑖩𑖩

**52 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सिद्धि

**53 ) Tất đà dạ**

SIDDHIYA ( Thành tựu đẳng )

SIDDHIYA : Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

सिद्धि

**54 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सिद्धि (सिद्धि)

**55 ) Ma ha tất đà dạ**

MÀHÀ SIDDHIYA ( Đại thành tựu đẳng )

MÀHÀ SIDDHIYA : Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

सिद्धि

**56 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सिद्धि (सिद्धि)

**57 ) Tất đà dụ nghệ**

SIDDHA ( Thành tựu ) YOGA ( Du già, sự tương ứng )

SIDDHAYOGA : Thành tựu Du Già , tức là Pháp Vô Vi

सिद्धियोग

**58 ) Thất bàn la dạ**

I'SVARÀYA : Tự tại đẳng

Siddhayoga+ I'svaràya = siddhayoge'svaràya

सिद्धि

**59 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सिद्धि

**60 ) Na la cần trì**

NĪLAKANṬHA : Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho công đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái

सिद्धि

**61 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सिद्धि (सिद्धि)

**62 ) Ma la na la**

PRA ( Thắng thượng ) VARÀHA ( heo ) MUKHÀYA ( khuôn mặt )

PRAVARÀHA MUKHÀYA :Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho

Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc

सिद्धि

**63 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

श्री अक्षर मुख्या

**64 ) Tất la tăng a mục khư gia**

‘SRÌ ( Cát Tường ) SIMHA ( Sư Tử ) MUKHÀYA ( Diện mạo, khuôn mặt)

‘SRÌ SIMHA MUKHÀYA : Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

श्रुत

**65 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सर्व मन् मुख्या

**66 ) Sa bà ma ha a tất đà dạ**

SARVA ( Tất cả ) MAHÀ ( Đại, to lớn ) MUKTÀYA ( Viên ngọc )

SARVA MAHÀ MUKTÀYA : Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

श्रुत

**67 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

सर्व यक्ष्या

**68 ) Giả cát la a tất đà dạ**

CAKRÀ ( Luân, bánh xe ) YUDHÀYA ( Cây gậy )

CAKRÀ YUDHÀYA : Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

श्रुत

**69 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

पश्य न श्रुत्या

**70 ) Ba đà ma yết tất đà dạ**

PADMA ( Hoa sen hồng ) HASTÀYA ( Thủ đảng, bàn tay )

PADMA HASTÀYA : Liên Hoa Thủ Đảng(chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiệu Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

श्रुत

**71 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu viên mãn

श्रीलक्ष्मण शिखि रूपा

**72 ) Na la cần trì bàn già la gia**

NĪLAKAṆṬHA ( Thanh Cảnh ) ‘SAṆKHA ( vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RÀJA ( Vương, vua chúa )

NĪLAKAṆṬHA ‘SAṆKHA RÀJA : Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi



पद्म

**83 ) Bát đà gia**

PADÀYA : Câu cú

पद्म

**84 ) Sa bà ha**

SVÀHÀ : Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần :” THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN “

## ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

*Việt dịch : HUYỀN THANH*

### 1 ) Quy kính Tôn Đức Môn :

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bạc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

### 2 ) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy :

- Hỡi Đức Quán Thế Âm ! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thế Quang Minh , thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh , giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu

### 3 ) Tịnh hóa Lục Đạo Môn :

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

### 4 ) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn :

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại

### 5 ) Thần Lực Gia Trì Môn :

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phần Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại ( chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp ) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp tự tại

- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục

- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác

#### **6 ) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn :**

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như :

. ) Thành tựu viên mãn Pháp cởi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

. ) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

. ) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại

. ) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

. ) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc

. ) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh

. ) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

. ) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não

. ) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát

. ) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bạc Đại Bồ Tát

#### **7 ) Hiện hiện Đại Bi Tâm Môn :**

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng

- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

#### **8 ) Thành tựu Niết Bàn Môn :**

- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

23/02/1999